



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐH K12 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Kỹ năng làm việc nhóm

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000800	1201040003	Đỗ Duy	Anh	29/11/2004	CT12A	16					HP
2	000801	1201040006	Lê Đỗ Kiều	Anh	24/10/2006	CT12A	16					
3	000802	1201040009	Vũ Thị Hồng	Ánh	16/06/2006	CT12A	16					
4	000803	1201041667	Nguyễn Lâm	Bình	30/10/2006	CT12A	16					
5	000804	1201040012	Lê Đăng	Định	01/07/2005	CT12A	16					
6	000805	1201041784	Nguyễn Minh	Đức	28/01/2006	CT12A	16					
7	000806	1201040016	Nguyễn Trường	Giang	09/11/2006	CT12A	16					
8	000807	1201040017	Nguyễn Hồng	Hạnh	16/10/2006	CT12A	16					
9	000808	1201040020	Võ Thị	Huệ	18/04/2005	CT12A	16					
10	000809	1201040021	Đặng Duy	Hung	07/10/2006	CT12A	16					
11	000810	1201040022	Bùi Trinh Việt	Huy	03/09/2006	CT12A	16					
12	000811	1201040023	Nguyễn Mạnh	Huy	15/01/2006	CT12A	16					
13	000812	1201041470	Thạch Thu	Huyền	19/08/2006	CT12A	16					
14	000813	1201040025	Dương Quốc	Khánh	30/08/2006	CT12A	16					
15	000814	1201040026	Dương Diệu	Linh	28/09/2006	CT12A	16					
16	000815	1201040027	Nguyễn Thùy	Linh	04/01/2006	CT12A	16					
17	000816	1201040028	Phạm Thị Thảo	Linh	27/09/2006	CT12A	16					
18	000817	1201040030	Ninh Hoàng	Long	24/06/2006	CT12A	16					HP
19	000818	1201040031	Hoàng Tuấn	Minh	07/03/2006	CT12A	16					
20	000819	1201040659	Đinh Hoàng	Phong	17/09/2006	CT12A	16					
21	000820	1201040036	Phạm Minh	Tài	11/01/2006	CT12A	16					
22	000821	1201040037	Nguyễn Tiến	Thành	02/06/2006	CT12A	16					
23	000822	1201040039	Ngô Thị Minh	Thư	20/08/2006	CT12A	16					
24	000823	1201040042	Đỗ Quỳnh	Trang	23/06/2006	CT12A	16					
25	000824	1201040043	Đặng Anh	Tuấn	08/03/2006	CT12A	16					

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
26	000825	1201040045	Phạm Anh	Vũ	27/06/2006	CT12A	16					
27	000826	1101020086	Tô Thu	Hà	18/03/2005	KD11A	16					
28	000827	1101020953	Mai Thị Thanh	Hằng	06/02/2005	KD11A	16					
29	000828	1101020073	Bùi Vũ Thùy	Giang	19/08/2005	KD11B	16					
30	000829	0810211789	Nguyễn Thị Thanh	Huệ	18/07/2002	KD8D	16					
31	000830	0810211790	Nguyễn Văn	Minh	12/09/2002	KD8D	16					
32	000831	0810211788	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	20/04/2002	KD8D	16					
33	000832	0901011003	Nguyễn Thu	Trang	30/09/2002	NH9A	16					HP
34	000833	1001031635	Nguyễn Thế	Hiệp	24/04/2001	QM10B	16					HP
35	000834	1001030592	Nguyễn Trung	Kiên	31/08/2004	QM10B	16					
36	000835	1001030690	Nguyễn Hồng	Thanh	04/04/2004	QM10B	16					HP
37	000836	1001030524	Phạm Văn Trung	Đức	08/12/2004	QT10B	16					HP
38	000837	1001030673	Vương Minh	Quân	11/09/2004	QT10B	16					HP
39	000838	1101030560	Mẫn Đức Mạnh	Hùng	01/08/2005	QT11B	16					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2